TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-4-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Bảo Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng

2. Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 300/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/2/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 300/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị H**, sinh năm: 1997; Địa chỉ: Số nhà A, đường B, phường C, quận D, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Số nhà A1 đường B1, phường C1, quận D1, thành phố Đẵng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Phan Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H kết hôn với ông Lê Văn T vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tính và quan điểm sống của ông bà không hợp nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vả, to tiếng, ông T đánh đập, chửi bới bà H nên bà H đã bỏ về gia đình cha mẹ bà sinh sống từ khi sinh con đến nay. Bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà Phan Thị H xác định bà có 01 (một) con chung là Lê Phan Như Q, sinh ngày 05/7/2018. Ly hôn, bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Như Q. Ông Lê Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung Bà Phan Thị H xác định không có

** Tòa án đã nhiều lần gởi văn bản và triệu tập ông T nhưng ông T không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như không có mặt theo giấy triệu tập. Vì vậy ông T không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Việc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà Phan Thị H được ly hôn với ông Lê Văn T. Giao con chung Lê Phan Như Q, sinh ngày 05/7/2018 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ông Lê Văn Thành không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết. Án phí HNGĐ-ST bà Phan Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là ông Lê Văn T có địa chỉ cư trú tại Số nhà A1 đường B1, phường C1, quận D1, thành phố Đẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn ông Lê Văn T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Thành.

*Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Lê Văn T đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 3 năm 2016 tại Ủy ban nhan dân phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn với ông Lê Văn T. Bà H cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vả, to tiếng, ông T đánh đập, chửi bới bà H, ông T không quan tâm đến bà và con nên ông bà thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của đương sự thì thấy: Mối quan hệ hôn nhân chỉ thực sự tồn tại khi cả hai vợ chồng cùng yêu thương, cùng nhau xây đắp gia đình, cùng nhau có trách nhiệm, chăm sóc cũng như tạo mọi điều kiện cho nhau

trong cuộc sống. Trong quá trình chung sống, bà H và ông T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm cần thiết. Mặc dù kết quả xác minh tại địa phương không xác định được ông bà có mâu thuẫn hay không, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ, nhưng ông T đều vắng mặt, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí đoàn tụ gia đình.

Quá trình tranh tụng và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử động viên bà H rút đơn về đoàn tụ gia đình lo cho con cái nhưng bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng kéo dài và thực tế vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Bà H không đồng ý về chung sống cùng ông T và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với ông T. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân của bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà H được ly hôn ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Phan Thị H xác định bà và ông Lê Văn T có 01 (một) con chung là: Lê Phan Như Q, sinh ngày 05/7/2018. Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên thì thấy: Cha mẹ đều có mọi quyền và nghĩa vụ đối với chung theo quy định qui định. Vì vậy, việc xem xét giao con chung cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét ở nhiều yếu tố đảm bảo quyền lợi, điều kiện tốt nhất để con chung được phát triển toàn diện. Cháu Q là con gái, đang ở cùng mẹ, bà H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, ông T không có ý kiến trong hồ sơ vụ án. Do đó, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H giao cháu Như Q cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác để giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với ông Lê Văn T về việc "*Ly hôn "*.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H được ly hôn với ông Lê Văn T

- Về con chung: Giao con chung là Lê Phan Như Q, sinh ngày 05/7/2018 cho bà Phan Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Lê Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Phan Thị H phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0008534 ngày 02 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Vĩnh Trung
(Giấy CNKH số 21, ngày 04/3/2016);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Bảo Huyền Trân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**